THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 622/QĐ-TTg	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến sử dụng khoáng sản tại khu vực đá granit Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai thác đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 22/7/2022 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3250 /TTr-BNNMT ngày 05 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tại khu vực đá granit Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

Điều chỉnh danh mục chi tiết quy hoạch thăm dò, khai thác khu vực đá granit Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai tại tiểu mục 3, mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2023 (*Chi tiết tại Phụ lục 1)*.

Điều 2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản đối với khu vực khoáng sản quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT; các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, CN

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Trần Hồng Hà

PHỤ LỤC 1

Điều chỉnh danh mục chi tiết quy hoạch thăm dò, khai thác khu vực đá granit Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Điều chỉnh tiểu mục 3, mục II, Phụ lục V - Danh mục chi tiết quy hoạch thăm dò, khai thác các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

TỈNH ĐỒNG NAI

TT	Loại khoáng sản/khu vực khoáng sản	Địa điểm	Hệ tọa độ VN 2000, KTT $105^0$00' múi chiếu 6 độ			Diện tích (ha)	Trữ lượng + Tài nguyên (1000 tấn; 1000 m^3)	Cấp trữ lượng + Tài nguyên	Khu vực khoáng sản quy hoạch thăm dò		Công suất khai thác (1000 tấn/năm; 1000 m^3/năm)	Khu vực khoáng sản quy hoạch khai thác		Ghi chú
			Điểm	X (m)	Y (m)				Thời kỳ 2021 - 2030	Tầm nhìn đến năm 2050		Thời kỳ 2021 - 2030	Tầm nhìn đến năm 2050	
II	**Đá làm ốp lát, mỹ nghệ**					**81,20**	**5.146**		**1**		**85**	**3**	**3**	
3	Đá granit Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	1	1.200.684	776.902	74,00	4.850	334a	X		75	X	X	
			2	1.200.691	777.642									
			3	1.199.690	777.651									
			4	1.199.684	776.911									